

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST

Ngày 06/9/2018

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Bình

Ông Nguyễn Văn Thủy

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
không tham gia.

Ngày 06/9/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXX-ST ngày 23/8/2018 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: Cộng hòa liên bang Đức.

Đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị H là: Bà Chu Thị T, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

-Bị đơn: Anh Chu Bá C, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang làm việc tại Cộng hòa liên bang Đức).

Đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng cho bị đơn anh Chu Bá C là: Ông Chu Bá H, sinh năm 1965; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai đề ngày 23/4/2018 (đơn có xác nhận của Tổng lãnh sự quán nước CHXHCN Việt Nam tại Công hòa liên bang Đức) nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Chu Bá C kết hôn ngày 26/10/2011, trước khi kết hôn chị và anh C được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Vì chị sinh sống ở Đức còn anh C sinh sống ở Việt Nam nên chị và anh C tìm hiểu nhau qua điện thoại và chị có về Việt Nam chơi với anh C và sau đó có kết hôn ở Việt Nam. Chị và anh C đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị tiếp tục sang Đức sinh sống và làm việc còn anh C vẫn ở Việt Nam. Vợ chồng thường xuyên liên lạc hỏi thăm nhau. Khoảng 1 năm sau khi kết hôn thì anh C sang Đức để sinh sống với chị. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa chị và anh C không hợp nhau, thường xuyên cãi cọ, không hiểu và thông cảm cho nhau. anh C đã ra ở riêng từ 12/7/2016 và vợ chồng cũng ly thân từ đó cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn. Chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn anh Chu Bá C.

-Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

-Về Tài sản, công nợ: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do chị đang sinh sống và làm việc tại Cộng hòa liên bang Đức nên không thể về Việt Nam tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh C được. Chị đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh C. Chị cũng ủy quyền cho bà Chu Thị T, sinh năm 1962, trú tại: Thôn Đ, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo lại cho chị biết.

Tại đơn trình bày đề ngày 10/8/2018 bà Chu Thị T trình bày: Bà đồng ý nhận ủy quyền của chị Nguyễn Thị H và cam đoan sẽ thông báo lại cho chị H biết các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho chị trong vụ án Tranh chấp Hôn nhân và gia đình giữa chị và anh C.

Tại các bản tự khai, Đơn xin vắng mặt Giấy ủy quyền (đơn có xác nhận của Tổng lãnh sự quán nước CHXHCN Việt Nam tại Công hòa liên bang Đức) bị đơn anh Chu Bá C trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn ngày 26/10/2011, trước khi kết hôn anh và chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Vì chị H sinh sống ở Đức còn anh sinh sống ở Việt Nam nên anh và chị tìm hiểu nhau qua điện thoại và chị H có về Việt Nam chơi với anh và sau đó có kết hôn ở Việt Nam. Anh và chị H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn thì chị H tiếp tục sang Đức sinh sống và làm việc còn anh vẫn ở Việt Nam. Vợ chồng thường xuyên liên lạc hỏi thăm nhau. Khoảng 1 năm sau khi kết hôn thì anh sang Đức để sinh sống với chị H. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa anh và chị H không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, không hiểu và thông cảm cho nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn. Chị H xin ly hôn anh, anh đồng ý ly hôn.

-Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

-Về Tài sản, công nợ: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do anh đang sinh sống và làm việc tại Cộng hòa liên bang Đức nên không thể về Việt Nam tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị H và anh được. Anh đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị H và anh. Anh cũng ủy quyền cho Ông Chu Bá H, sinh năm 1965, Trú Tại: Thôn Đ, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo lại cho anh biết.

Tại đơn trình bày đề ngày 10/8/2018 ông Chu Bá H trình bày: Ông đồng ý nhận ủy quyền của anh Chu Bá C và cam đoan sẽ thông báo lại cho anh C biết các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho anh trong vụ án Tranh chấp Hôn nhân và gia đình giữa chị H và anh.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Do chị H và anh C đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự và công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị H và anh Chu Bá C đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị H anh C.

[2].Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn hiện đang sinh sống và làm việc tại Cộng hòa liên bang Đức có đơn xin ly hôn anh Chu Bá C, anh C có Hộ khẩu thường trú tại xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Hiện anh C cũng sinh sống và làm việc tại Cộng hòa liên bang Đức. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3].Về quan hệ Hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Chu Bá C kết hôn ngày 26/10/2011. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu tự nguyện kết hôn. Chị H và anh C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang. Đây là Hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị H tiếp tục sang Cộng hòa liên bang Đức sinh sống và làm việc. Khoảng 1 năm sau anh C sang Cộng hòa liên bang Đức chung sống với chị H. Quá trình chung sống tại Cộng hòa liên bang Đức ban đầu vợ chồng hạnh phúc, sau một thời gian vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, không hiểu và thông cảm cho nhau. Đến nay chị H, anh C đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. Chị H xin ly hôn anh C, anh C cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được yêu cầu khởi kiện của chị H xin ly hôn anh C, anh C đồng ý. Nên căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Nguyễn Thị H và anh Chu Bá C được ly hôn.

[4]. Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5].Về tài sản chung, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6].Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị H đã nộp đủ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 và khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Chu Bá C.

2.Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/07457 ngày 08/8/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị H đã nộp đủ.

3.Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thị H và anh Chu Bá C hiện đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- UBND tỉnh Bắc Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã Ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

